ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:07 /GPMT-UBND	*TP. Kon Tum, ngày 02 tháng 5 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Lợi Lợi tại Văn bản số 02/CV-CtyLL ngày 05 tháng 4 năm2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất dây thun; Văn bản số 04/CV-CtyLL ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án Nhà máy sản xuất dây thun;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 58/TTr-TNMT ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc cấp Giấy phép môi trường Dự án: "Nhà máy sản xuất dây thun" của Công ty TNHH MTV Lợi Lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Lợi Lợi *(địa chỉ trụ sở chính: Lô D6, Khu công nghiệp Hòa Bình, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)* được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất dây thun, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất dây thun.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D6, Khu công nghiệp Hòa Bình, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6100394581 cấp lần đầu ngày 12/5/2009 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 11 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 6100394581

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dây thun.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 20.736 m^2.

- Công suất thiết kế dự án: 977 tấn sản phẩm/năm.

+ Quy mô phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công: Nhà máy sản xuất thun thuộc danh mục dự án nhóm C *(quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật Đầu tư công)*.

+ Quy mô phân loại theo tiêu chí của pháp luật về môi trường: Thuộc nhóm III *(quy định tại Mục II.2 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).*

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Lợi Lợi.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Lợi Lợi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Sở TN&MT (b/c);
- Công ty TNHH MTV Lợi Lợi;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND Phường Nguyễn Trãi;
- Cổng TTĐT thành phố (đăng tải);
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng.....năm ..... của Uỷ ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh nước thải: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên và công nhân nhà máy.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 4,8 m^3/ngày đêm.

- Dòng nước thải: 03 dòng *(từ 03 nhà vệ sinh).*

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:Tổng Nitơ, Tổng Photpho; BOD5; dầu mỡ động, thực vật; Coliform; Tổng chất rắn lơ lững.

Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể:

TT	Thông số	QCVN 14: 2008/BTNMT	
		Đơn vị	Giá trị
1	BOD_5	mg/l	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng *(TSS)*	mg/l	100
3	Nitrat (NO_3) *(tính theo N)*	mg/l	50
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
5	Phosphat ($PO4_{3-}$) *(tính theo P)*	mg/l	10
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

**** Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải***:

+ Vị trí: Lô D6, KCN Hòa Bình thuộc Phường Nguyễn Trãi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tọa độ: X=055.2042; Y=158.4435

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Tự thấm.

2. Nước thải sản xuất:

- Nguồn phát sinh nước thải:

Từ công tác vệ sinh thiết bị, máy móc, vệ sinh nhà xưởng.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 1,5 m^3/ngày đêm.

- Dòng nước thải: Tại khu vực hố lắng.

- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: Màu; pH; BOD_5 (20^0 C); COD; Chất

rắn lơ lửng; Amoni *(tính theo N);* Tổng phốt pho *(tính theo P).*

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C
			Cột A
1	Màu	Pt/Co	50
2	pH	-	6 đến 9
3	BOD5 (20^{o}C)	mg/l	30
4	COD	mg/l	75
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50
6	Amoni *(tính theo N)*	mg/l	05
7	Tổng phốt pho *(tính theo P)*	mg/l	04

(Nguồn: QCVN 40:2011/BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ TN&MT)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí: Tại khu vực hố lắng của hệ thống thoát nước thuộc Lô D6, KCN Hòa Bình thuộc Phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tọa độ: X=055.2043; Y=158.4425

+ Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Đấu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình sau khi đã xử lý sơ bộ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng đường ống nhựa PVC từ khu nhà vệ sinh về bể tự hoại đặt ngầm trong khu vực nhà máy. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn qua hố thu lắng và theo đường ống PVC đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước mưa tại khu vực bãi chứa nguyên liệu và sân đường nội bộ:Được thu gom bằng hệ thống mương được xây bằng gạch. Sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xửlýtrước khi thải ra nguồn tiếp nhận

+ Nước từ quá trình vệ sinh, làm sạch thiết bị, nhà xưởng: Nước thải từ quá trình vệ sinh, làm sạch thiết bị, nhà xưởng được thu gom bằng đường ống PVC qua các hố thu lắng và theo đường ống PVC đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt khi qua bể tự hoại sẽ được thu gom theo đường ống thu gom nước thải và thoát ra hệ thống chung của KCN.

Mỗi khu nhà vệ sinh sẽ được bố trí 01 bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt; gồm 03 bể tự hoại; mỗi bể được xây dựng bê tông cốt thép kiên cố.

Hình 1. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

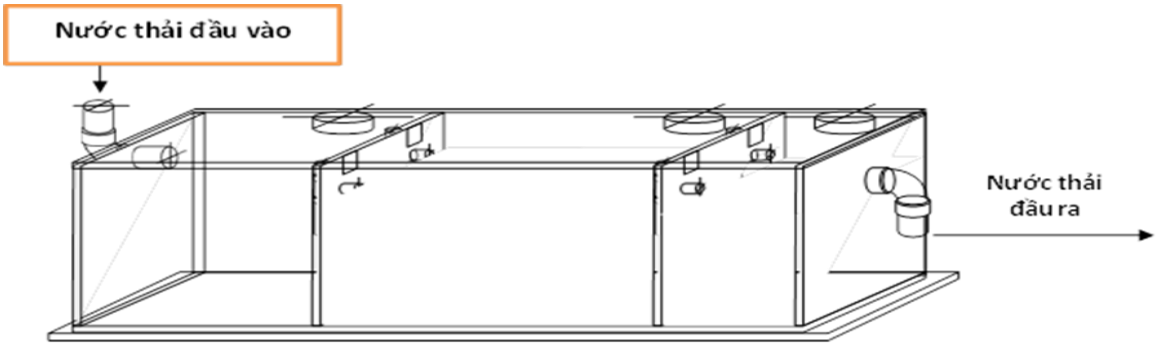

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể vai trò làm ngăn lắng, lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong nước thải, nhờ vách ngăn hướng dòng tại ngăn tiếp theo, nước thải tự chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành đáy bể trong điều kiện động, một số chất hữu cơ được sinh vật hấp thụ chuyển hóa đồng thời cho phép tách riêng hai pha.

Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, với tác dụng làm sạch bổ sung nước thải nhờ các vi sinh vật kỵ khí, gắn bám trên bề mặt hạt vật liệu lọc.

1.2.2. Nước thải khác:

* Nước thải lavabô khu WC; rửa sàn được thu gom vào đường ống thoát nước riêng và xả ra rãnh thoát nước xung quanh nhà và đưa vào hố lắng trước khi thải ra môi trường.

Hình 2. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước thải

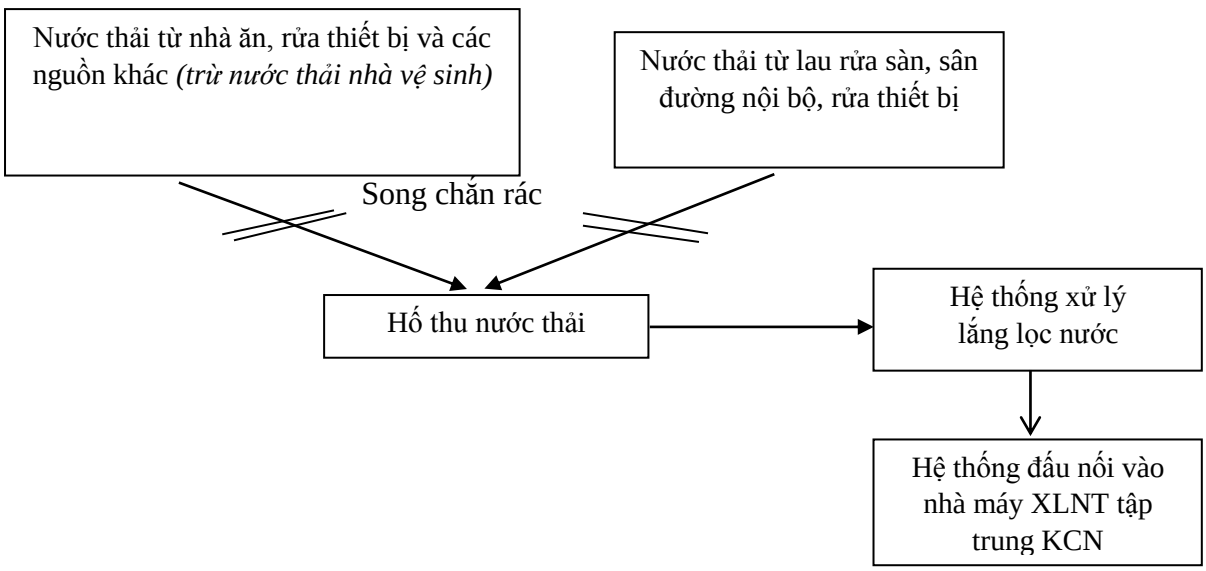

**** Hệ thống thu gom nước thải:***

Nguồn nước thải:

Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, sân đường nội bộ, rửa thiết bị và từ sinh hoạt ăn uống tại nhà ăn được dẫn về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hố thu nước thải.

Nước mưa tại khu vực bãi chứa nguyên liệu và sân đường nội bộ: Phát sinh trong quá trình hoạt động chủ đầu tư để các nguyên liệu đầu vào hay các sản phẩm nguyên liệu vụn ngoài trời hoặc các khu vực không có mái che hoặc che đậy không kín gặp trời mưa xuống làm rửa tan các thành phần trong nguyên liệu hòa lẫn vào nước làm phát sinh độ độc cao và hàm lượng hữu cơ lớn. Khối lượng này phát sinh không thường xuyên, chủ yếu vào mùa mưa và phát sinh tại những khu vực không che đậy kỹ, khối lượng ước tính khoảng 05 m^3/ngày đêm. Được thu gom bằng hệ thống mương được xây bằng gạch. Sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xửlýtrước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Song chắn rác:

Nước thải từ sinh hoạt và sản xuất có chứa nhiều thành phần cặn, đặc biệt là các thành phần cặn kích thước lớn. Các cặn nước thải nếu được dẫn thẳng không qua chắn rác thì sẽ phân hủy làm tăng COD và BOD trong nước thải chính vì vậy cần được tách bằng song chắn rác tinh trước khi xử lý.

Hố thu nước thải: Được xây và gia cố cẩn thận để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sao Mai.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng.....năm ..... của Uỷ ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

a. Nguồn phát sinh khí thải:

Từ ống khói lò đốt.

b. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Lưu lượng xả khí thải tối đa là 12.000m^3/giờ.

c. Dòng khí thải:

01 dòng khí thải từ hệ thống khí thải lò đốt.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải sau trạm xử lý, xả ra môi trường đạt chỉ tiêu của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN19:2009/BTNMT Cột B; Kp=1, Kv=1
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200
2	CO	mg/Nm^3	1000
3	NOx (tínhtheo NO2)	mg/Nm^3	850
4	SO2	mg/Nm^3	500

e. Vị trí, phương thức xả khí thải:

- Vị trí: Tại khu vực trong nhà xưởng của nhà máy thuộc Lô D6, KCN Hòa Bình thuộc Phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tọa độ: X=14.3252316; Y=107.984.159

- Phương thức xả thải: Xả thải qua hệ thống ống khói.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục *(nếu có):*

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ buồng đốt sau đó thoát ra qua hệ thống ống khói sau khi qua các công đoạn xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là khí thải từ quá trình vận hành lò đốt

bằng phương pháp đốt củi cấp nhiệt để vận hành lò đốt. Do vậy lượng khí thải sẽ thải qua ống khói lò đốt.

Nguyên vật liệu sử dụng cho hệ thống lò đốt là: nguyên liệu vụn, củi khô (*không được phép sử dụng than, củi, nguyên liệu có thành phần nguy hại)*

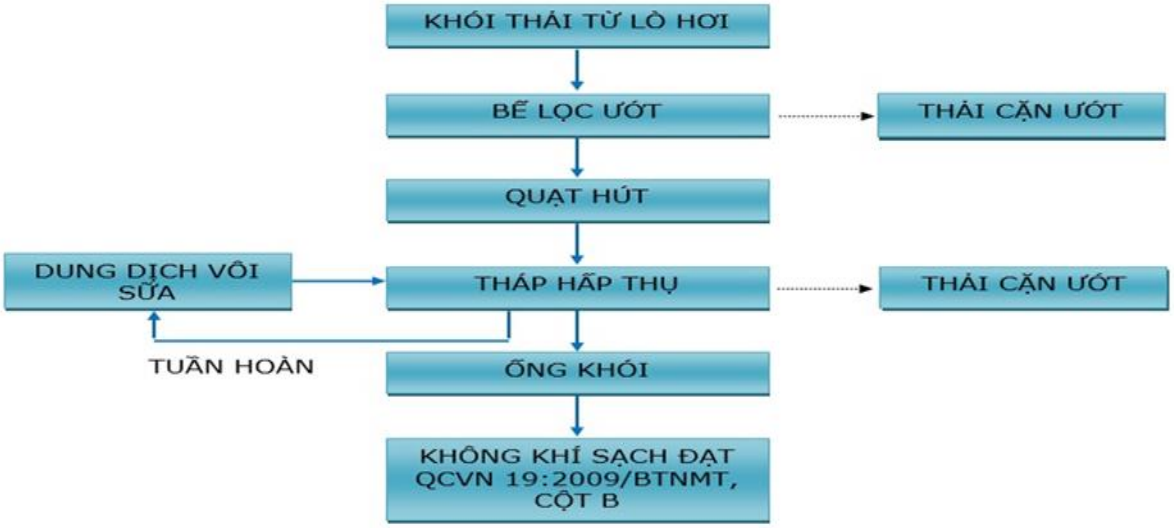

Quy trình công nghệ xử lý khí thải đốt củi như sau:

Nguyên lý: Cho khí thải tiếp xúc với chất lỏng, các khí này hoặc được hoà tan đi vào pha lỏng và hoặc được biến đổi thành chất không độc hại.

Khói thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo ống thải được quạt hút ly tâm vận chuyển không khí từ qua thiết bị lọc ướt. Tại đây tro bụi và muội than được lọc sạch triệt để. Sau đó, khí thải được dẫn vào tháp hấp thụ.

Tháp hấp thụ được thiết kế nhằm để hấp thụ các loại khí độc hại sinh ra từ quá trình đốt cháy nhiên liệu như CO, SOx, NOx … bằng dung dịch sữa vôi được cung cấp từ hệ thống bơm định lượng.

Hấp thụ khí độc hại bằng chất lỏng là quá trình hòa tan chất khí trong chất lỏng khi chúng tiếp xúc với nhau. Cơ cấu của quá trình này chia thành ba bước:

(1). Khuếch tán các phân tử chất ô nhiễm thể khí trong khối khí thải đến bề mặt của chất lỏng hấp thụ.

(2). Thâm nhập và hòa tan chất khí vào bề mặt của chất hấp thụ.

(3). Khuếch tán chất khí đã hòa tan trên bề mặt ngăn cách vào sâu trong lòng khối chất lỏng hấp thụ.

Tại tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò đốt củi, dung dịch hấp thụ vôi sữa được bơm liên tục từ đỉnh tháp xuống các lớp mâm tiếp xúc, khí thải chứa CO, SOx, NOx được dẫn từ dưới đi lên quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp quá trình hấp thụ được diễn ra dễ dàng. Quá trình hấp thụ xảy ra trong tháp *(quá trình hấp thụ đẳng nhiệt):*

Khí đi ra khỏi thiết bị hấp thu là không khí sạch tiếp tục được quạt hút trợ

đẩy vào ống khói và thải ra ngoài. Dung dịch hấp thu được bơm tuần hoàn từ ngăn chứa vào thiết bị hấp thụ. Tro bụi và muội than được định kỳ thải bỏ, Dụng dịch hấp thu được định kỳ thải bỏ.

Khí thải sau xử lý yêu cầuphải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B; Kp=1, Kv=01

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4.Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Niêm yết bảng nội quy an toàn vận hành lò đốt và các biện pháp an toàn, biện pháp xử lý sự cố lò đốt tại nhà máy. Bảng nội quy an toàn đặt tại khu vực nhà bao che lò đốt;

- Bố trí công nhân được đào tạo chuyên môn theo dõi thông số hoạt động của nồi hơi cũng như các thiết bị xử lý môi trường xử lý khí thải lò đốt;

- Khi một trong các công đoạn xử lý khí thải gặp sự cố, Công ty phải dừng toàn bộ hoạt động của quy trình sản xuất để tiến hành kiểm tra và sửachữa;

- Lắp các biển báo nguy hiểm và cấm lửa tại một số khu vực: Lò sấy, kho CTNH, khu vực chứa thùng đựng hóa chất;

- Trang bị các bình chữa cháy mini trong toàn nhà máy: Nhà đặt lò đốt, khu vực văn phòng, khu vực xưởng…;

- Thực hiện đúng các quy định về sử dụng, bảo quản, quản lý cũng như thải bỏ hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng.....năm ..... của Uỷ ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh.

- Nguồn số 01: Tiếng ồn tại khu vực nhập liệu.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn: Tại khu vực xưởng sản xuất thuộc Lô D6, KCN Hòa Bình thuộc phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghichú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Lắp đặt, vận hành máy móc đúng quy trình quy phạm, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ để tránh hỏng hóc gây ra tiếng ồn bất thường nhằm giảm độ ồn.

- Trồng cây xung quan nhà máy để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng ra khu vực xung quanh nhà máy và cải thiện được điều kiện khí hậu trong khu vực.

- Không hoạt động quá công suất thiết kế, lắp đặt máy móc thiết bị theo đúng thiết kế, kỹ thuật.

- Không hoạt động từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. Có kế hoạch làm việc cụ thể, bố trí các xe, thiết bị hoạt động luân phiên để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng.....năm ..... của Uỷ ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Khối lượng: 87 kg /năm.

- Chủng loại như sau: Bóng đèn huỳnh quang thải; Các loại dầu thải khác *(cặn dầu thải);* Bao bì thải bằng kim loại: thùng chứa nhớt dầu, keo thải, thùng đựng hóa chất thải; Bao bì thải bằng vật liệu khác; Can phuy đựng sơn, dung môi thải; Các loại vật dụng nhiễm dầu thải như: giẻ lau, bao tay...; Ắc quy chì thải; Thùng đựng hóa chất.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng: 24.750 kg/ngày.

- Chủng loại: Chất thải từ sản phẩm đầu vào lỗi, hỏng; Chất thải từ quá trình xử lý khí thải *(cặn từ bể lắng);*Giấy, nhãn và bao bì Carton thải bỏ; Bao bì nhựa thải; Các loại liên quan khác.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: 1050 kg/ngày.

- Chủng loại: Bao bì, hộp giấy và một số thức ăn thừa và các loại liên quan khác ...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:Bố trí các thùng để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng loại chất thải.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 22,5 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại:Tường và mái xây dựng bằng tôn, sắt. Nền bê tông chống thấm;

+ Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng nhóm loại chất thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Cao su hỏng lỗi hoặc lẫn tạp chất: Thu gom tập trung tại các kệ palet hoặc các thùng chứa bằng tôn;

+ Chất thải từ quá trình xử lý khí thải *(cặn từ bể lắng):* Lưu chứa tại bể xử lý khí thải;

+ Giấy, nhãn và bao bì carton thải bỏ, bao bì nhựa thải lưu chứa tại khu vực kho chứa rác thải sản xuất tại các thùng chứa bằng tôn hoặc thùng nhựa.

+ Các loại chất thải rắn khác: Bố trí 01 khu chứa riêng để lưu giữ phần chất thải này. Chất thải này được định kỳ bán phế liệu hoặc tái chế, đảm bảo xử lý 100% lượng chất thải phế liệu này.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 05 thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít và 240 lít dọc đường nội bộ; tại khu vực văn phòng bố trí các thùng rác dung tích 240 lít, sau đó đưa về khu vực lưu chứa để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Cuối ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, tập kết rác thải sinh hoạt tại khu vực lưu chứa và chủ đầu tư sẽ ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đem đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.
- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.
- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động.